

NGŨ VĂN 9 – TUẦN 24

Các đơn vị kiến thức:

- Các thành phần biệt lập
- Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới
- Mùa xuân nho nhỏ
- Con cò (HS tự học)

Mục đích yêu cầu:

- Nhận biết, nắm được công dụng và biết đặt câu với các thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán, gọi đáp và phụ chú
- Nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách và thói quen của con người Việt Nam, yêu cầu gấp rút phải khắc phục điểm yếu, hình thành những đức tính và thói quen tốt khi đất nước đi vào hiện đại hóa, công nghiệp hóa trong thế kỉ mới
- Cảm nhận được những cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp để muốn làm “một mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho cuộc đời. Từ đó, mở ra những suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị của cuộc sống của mỗi cá nhân sống có ích, có cống hiến cho cuộc đời chung; rèn kĩ năng cảm thụ và phân tích thơ
- Ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với cuộc sống của con người, nghệ thuật vận dụng sáng tạo ca dao, những câu thơ có tính chất triết lí

Bài: CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP

Thành phần biệt lập: (TPBL) Là thành phần không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu

STT	Tên TPBL	Công dụng	Ví dụ
1	Thành phần tình thái	Thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu	VD1 SGK/18 a/ TPTT: chắc → thể hiện độ tin cậy cao (đối với sự việc anh Sáu tin con gái sẽ nhận ra và thể hiện niềm vui mừng khi gặp lại anh)
2	Thành phần cảm thán	Bộc lộ tâm lí của người nói	VD2 SGK/18 b. TPCT: trời ơi (thể hiện sự tiếc nuối của anh thanh niên)
3	Thành phần gọi đáp	- Dùng để tạo lập và duy trì quan hệ giao tiếp	VD SGK/31 TPGD: a. Này → dùng để gọi (nhằm tạo lập cuộc hội thoại) b. Thưa ông → dùng để đáp (duy trì cuộc hội thoại)

4	Thành phần phụ chú	Bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu	VD SGK/31.32 a/ TPPC: Và cũng là đứa con duy nhất của anh (chú thích thêm cho “đứa con gái đầu lòng”)
---	--------------------	--	--

HS làm các bài tập 1,2,3,4 sgk/19 và 1,2,3,4,5 SGK/32,33 vào vở bài tập

Bài tập bổ sung:

Bài 1: Xác định thành phần biệt lập có trong những câu sau:

1/ Eo ôi, tay anh làm sao lạnh thế này?

2/ Ai cũng đều nghĩ rằng thằng bé thật hư hỏng, Hình như, nó cũng biết vậy, vậy mà nói mãi nó vẫn chẳng nghe.

3/ Trời ơi, sinh giặc làm chi
Để chồng tôi phải ra đi diệt thù

4/ Nhưng không biết xử trí thế nào, lão bộc đành nói cho Ngọc Hân yên lòng:
- Chắc là nó nhớ nhà quá nên trốn đi đấy thôi.

5/ Buồn trông con nhện chăng tơ
Nhện ơi, nhện hỡi nhện chờ môi ai?
Buồn trông chênh chếch sao mai
Sao ơi, sao hỡi nhớ ai sao mờ?

6/ Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến – cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình.

7/ Trang ơi, mình không dự liên hoan được đâu, cả cấm trại nữa. Nhưng bạn đừng nói gì với Minh nhé! Minh bận rồi.

8/ An, bạn thân nhất của tôi, đã đi du học từ nửa tháng trước.

9/ - Thôi nào (bác nói) đừng buồn nữa cháu ơi, về nhà mẹ cháu với bác đi, Người ta sẽ cho cháu .. một ông bố.

- Thế bác tên gì? (em bé liền hỏi) để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên bác?

Bài : CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI

- Vũ Khoan -

Luận điểm chính: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người

1. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam:

a/ Điểm mạnh:

- Thông minh, nhạy bén
- Cần cù, sáng tạo

- Đùm bọc, đoàn kết trong chống giặc ngoại xâm
- Thích ứng nhanh

b/ Điểm yếu:

- Thiếu kiến thức cơ bản, kém năng lực thực hành, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương.
- Đồ kị trong làm ăn, trong cuộc sống đời thường.
- Hạn chế trong thói quen, nếp nghĩ. Kì thị trong kinh doanh, quen bao cấp, thói khôn vặt, ít giữ chữ tín.
- ➡ Tác giả đã nêu phân tích cụ thể, thấu đáo, nêu song song hai mặt và luôn đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển của tình hình đất nước hiện nay chứ không chỉ nhìn trong lịch sử.

2/ Đặc điểm ngôn ngữ của văn bản:

- Ngôn ngữ báo chí
- Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ

Luyện tập: Hãy đọc lại cả bài và lập dàn ý theo trình tự lập luận của tác giả

Bài : MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

- Thanh Hải (1930 – 1980) -

I. Tác phẩm:

- HCST: 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời
- Ndung: Thể hiện niềm yêu mến thiết tha cuộc sống, đ/n và ước nguyện của tác giả
- Thể thơ: 5 chữ

II Tìm hiểu văn bản:

1. Mùa xuân của thiên nhiên: (khổ 1)

- Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
- Đảo ngữ (đưa động từ “mọc” lên đầu câu)
- Màu sắc : sông xanh, hoa tím ⇒ gam màu hài hòa, dịu nhẹ, tươi tắn
- Âm thanh: Tiếng chim chiền chiện trong trẻo, vang xa.
- “ Ôi – Hót chi..? ”: chất giọng thơ riêng như 1 lời trách yêu.
- Giọt long lanh: giọt tiếng chim, giọt niềm vui ⇒ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.
- “ Hứng ” : thái độ trân trọng, nâng niu, trù mên

⇒ **Cảnh sắc mùa xuân tươi đẹp, niềm say sưa, ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp của thiên nhiên**

2. Mùa xuân đất nước (khổ 2,3)

- Người cầm súng - lộc quanh lưng
- Người ra đồng - lộc trải dài nương mạ

→ Điệp ngữ, hình ảnh tượng trưng

⇒ **Hai nhiệm vụ cơ bản, chính họ đã góp phần đem mùa xuân bình yên đến mọi nơi**

- Tất cả như hồi hải/ xôn xao

- Đất nước như vì sao - Cứ đi lên phía trước

→ Từ láy, so sánh

⇒ **Sức sống của mùa xuân, niềm tự hào của tác giả về lịch sử và tin tưởng vào tương lai đất nước**

3. Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ trước mùa xuân đất nước (khổ 4,5):

Ta làm → con chim hót
 → một cành hoa
 → một nốt trầm xao xuyến

→ Điệp ngữ, liệt kê

- Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

→ Từ láy, hình ảnh ẩn dụ sáng tạo “ một mùa xuân nho nhỏ ”

⇒ **Khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống, cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung cho đất nước**

4. Lời ca ngợi quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế:(khổ cuối)

- Âm điệu nhịp nhàng, đầm thắm, thiết tha

⇒ **Niềm tin yêu vào cuộc đời, vào đất nước**

***Đọc ghi nhớ, học thuộc lòng bài thơ**

Bài tập:

1/ Sự sáng tạo đặc sắc của nhà thơ là hình ảnh nào? Giải thích ý nghĩa hình ảnh đó

2/ Nêu suy nghĩ của em về 1 hoặc 2 khổ thơ em thích nhất trong bài thơ

Lưu ý: Đọc bài thơ “Con cò” (Chế Lan Viên) nắm được nội dung chính bài thơ

Bài tập nâng cao: Tìm hai tác phẩm thơ hoặc văn xuôi nói về tình cảm gia đình, cảm nhận về nội dung tác phẩm, tìm điểm tương đồng giữa các nhà thơ